

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 29/4/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hải;

2. Bà Phạm Thị Thoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu O, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

-Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số F N, phường I, Tp ., tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2024, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu O và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2020, đến ngày 12/7/2021 chị với anh T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, Tp ., tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn chị với anh T sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, từ cuối năm 2023 đến nay thì chị với anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T còn thường ghen tuông mù quáng, kiểm soát chị một cách quá mức. Ngoài ra anh T thường hay đi nhậu và chơi cờ bạc. Chị đã giải thích khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị xét

thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có 01 con chung là Phạm Thành N, sinh ngày 04/8/2021. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung, chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị O không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị Phạm Thị Thu O không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Thu O tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2020, đến tháng 7/2021 anh với chị O mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, Tp ., tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn anh với chị O sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, từ cuối năm 2023 đến nay thì vợ chồng anh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh đã cố gắng hàn gắn nhưng chị O vẫn nhất quyết ly hôn, không muốn nói chuyện với anh, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm gì với nhau nữa nên chị O đề nghị giải quyết được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị O có 01 con chung là Phạm Thành N, sinh ngày 04/8/2021. Ly hôn, chị O có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung, thì anh đồng ý. Chị O không yêu cầu anh phải cấp dưỡng tiền nuôi con thì anh sẽ tự có trách nhiệm với con sau.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh T không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Phạm Thị Thu O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định

tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu O và anh Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 12/7/2021 tại Ủy ban nhân dân phường I, Tp ., tỉnh Gia Lai. Nên hôn nhân giữa chị O và anh Thế L hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Trong quá trình chung sống giữa chị O và anh T đều thừa nhận vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa nên chị O đề nghị giải quyết được ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Xét lời khai của chị O phù hợp với lời khai của anh T và các tài liệu, chứng cứ khác mà Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh Thế L có thật, quá trình giải quyết vụ án đã thông báo cho anh T biết để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn không lên làm việc, cho thấy anh T đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với chị O. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

- Về con chung: Chị O và anh T có 01 con chung là Phạm Thành N, sinh ngày 04/8/2021.

Ly hôn, chị O có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị O, thấy rằng: Hiện con chung chị O vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị O có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con. Mặt khác, qua trình giải quyết vụ án, anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị O.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Chị O và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu O được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thành N, sinh ngày 04/8/2021 cho chị O trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị O. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Thu O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0008393 ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND P. Ia Kring;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

